

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125/2025/DS-ST**

Ngày: 30-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1262/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1309/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Thành L**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ C, khu phố M, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Lô Rd B, Khu tái định cư L, xã L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Ông L có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên họp công khai chứng cứ, nguyên đơn ông Lê Thành L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T là bạn bè quen biết nhau qua công việc. Ngày 01/4/2024, bà T có vay của ông số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) với lãi suất 1%/tháng, tương đương tiền lãi mỗi tháng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, hạn trả nợ gốc là ngày 01/10/2024. Hai bên có

lập giấy vay tiền ngày 01/4/2024 và bà T đã ký xác nhận vào giấy vay.

Quá trình vay, bà T đã trả cho ông 04 (bốn) tháng tiền lãi, tương đương số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của ông. Số tiền nợ gốc 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) bà T chưa trả và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ mặc dù ông đã tìm nhiều cách đề liên lạc với bà T nhưng không được.

Do bà T đã vi phạm các thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), ông không yêu cầu tính tiền lãi trên số nợ gốc.

Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu, chứng cứ nào để bổ sung. Vì bận công việc nên ông xin vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án.

- Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho bà Nguyễn Thị T đến Tòa án làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ngày 01/4/2024 ông Lê Thành L và bà Nguyễn Thị T lập giấy vay tiền có nội dung ông L cho bà T vay số tiền 800.000.00đ (Tám trăm triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Giấy vay tiền được bà T ký ghi họ tên xác nhận nên được xem là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của ông L buộc bà T thanh toán nợ gốc 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Ông L không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử là từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T thanh toán cho ông L số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Thành L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Biên bản xác minh tại Công an xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì bị đơn bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Lô Rd B, Khu tái định cư L, xã L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nhưng bà T đã bán nhà đi khỏi địa phương, không còn sinh sống tại địa chỉ này từ năm 2022, địa phương không biết bà T đi đâu, làm gì. Bà T thay đổi địa chỉ ghi trong Giấy vay tiền nhưng không thông báo cho ông L biết về nơi cư trú mới. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này được coi là bà T cố tình giấu địa chỉ và Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà T về việc thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Thành L khởi kiện bà Nguyễn Thị T có địa chỉ: Lô Rd B, Khu tái định cư L, xã L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai để tranh chấp số tiền cho vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lê Thành L căn cứ vào chứng cứ là “Giấy vay tiền ngày 01/4/2024” thể hiện nội dung bà T vay ông L số tiền gốc là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng và bà T đã ký xác nhận vào giấy vay tiền. Từ khi vay đến nay bà T không trả cho ông L bất kỳ khoản gốc nào, chỉ trả được 04 (bốn) tháng tiền lãi với số tiền là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không cung cấp ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của ông L. Như vậy, cho thấy bà T đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Bà T không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ là bản chính Giấy vay tiền lập ngày 01/4/2024 do ông L cung cấp. Nội dung Giấy vay tiền thể hiện ông L cho bà T vay số tiền gốc 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Căn cứ vào

khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, việc ông L khởi kiện buộc bà T phải trả cho ông L số tiền nợ gốc 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Ông L không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi suất nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông L được chấp nhận nên bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: 20.000.000 đồng + 4% (800.000.000 đồng - 400.000.000 đồng) = 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

Hoàn trả cho ông L số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0005116 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Lê Thành L yêu cầu Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên phải chịu lệ phí theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự (Ông L đã thực hiện xong).

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 149, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông Lê Thành L số tiền nợ gốc 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Thành L số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0005116 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Lê Thành L phải chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự (ông L đã thực hiện xong).

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Kim Thoa